

anh **N** nữa. Hiện nay anh chị đã sống ly thân. Do đó, chị đề nghị quý Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Nguyễn Văn N**.

- *Về con chung*: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh **Nguyễn Văn N***: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vì lý do công việc nên anh **N** không có mặt theo Thông báo của Tòa án. Tại bản tự khai đề ngày 23/4/2026, anh **N** đồng ý với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị **U**, anh **N** đồng ý ly hôn; anh chị không có con chung, không có tài sản chung, anh xin vắng mặt tại các buổi hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 06/2/2026, nguyên đơn là chị **Ngô Thị Phương U** có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn anh **Nguyễn Văn N** và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị **U** đúng quy định, anh **Nguyễn Văn N** có nơi cư trú tại **xã I, tỉnh Gia Lai** nên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị **Ngô Thị Phương U** và bị đơn là anh **Nguyễn Văn N** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị **U**, anh **N** và yêu cầu khởi kiện của chị **U** thấy rằng:

Chị **U** và anh **N** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C (nay là xã I), tỉnh Gia Lai vào ngày 12/11/2019. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh **N** và chị **U** thì trong quá trình chung sống, giữa chị **U** và anh **N** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do hai bên tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh **N** và chị **U** cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh chị đã sống ly thân và không còn tình cảm yêu thương nhau nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét mâu thuẫn hôn nhân giữa chị **U** và anh **Nghĩa L** có thật, mặc dù anh chị là vợ chồng nhưng đã sống ly thân, mâu thuẫn xảy ra đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **U**, cho chị **U** được ly hôn với anh **N**.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị **U** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị **Ngô Thị Phương U**.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngô Thị Phương U** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn N**.

2. Về án phí: Buộc chị **Ngô Thị Phương U** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị **U** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001474 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11, tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Ia Le, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Nam Anh Chính

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Nam Anh Chính